

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác phát triển khoa học, công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, từng bước khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai thường xuyên, kịp thời và quyết liệt; hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện. Các nhiệm vụ KHCN được lựa chọn có tính ứng dụng cao, gắn với nhu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc sản địa phương được quan tâm, qua đó nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh. Công tác thẩm định công nghệ được tăng cường, góp phần hạn chế việc sử dụng công nghệ lạc hậu, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; quản lý an toàn bức xạ, hạt nhân được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Các phong trào thi đua sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp được triển khai hiệu quả, từng bước hình thành hệ sinh thái ĐMST trên địa bàn.

Bên cạnh đó, KHCN và ĐMST đã có đóng góp rõ nét vào tăng trưởng kinh tế thông qua việc nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP). Giai đoạn 2018 - 2023, tốc độ tăng TFP đạt bình quân 2,69%/năm; tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP đạt 41,32%, riêng giai đoạn 2021 - 2023 đạt 45,91%, ở mức khá so với bình quân chung cả nước. Hệ thống chỉ tiêu phát triển KHCN và ĐMST được xây dựng tương đối toàn diện, cơ bản bám sát định hướng của Trung ương, bao quát từ đầu vào, hoạt động đến kết quả và tác động kinh tế - xã hội; nhiều chỉ tiêu đạt hoặc tiệm cận mục tiêu đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai và tạo chuyển biến tích cực trong thực tiễn. Tổng thể, KHCN và ĐMST đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển KHCN và ĐMST vẫn còn một số hạn chế. Hệ thống chỉ tiêu phát triển chưa thực sự cân đối, còn thiếu các chỉ tiêu phản ánh trực tiếp hoạt động nghiên cứu khoa học và mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế; một số chỉ tiêu còn mang tính định tính, chưa được lượng hóa rõ ràng, gây khó khăn trong công tác theo dõi, đánh giá. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa tạo được bước đột phá rõ nét; việc ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống còn hạn chế, chưa hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Nguồn lực

tài chính cho KHCN và ĐMST còn thấp so với nhu cầu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; cơ chế huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế. Nguồn nhân lực KHCN, đặc biệt tại cơ sở, còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn sâu; năng lực nghiên cứu, tham mưu và tổ chức triển khai còn hạn chế.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu do đầu tư cho KHCN và ĐMST trong giai đoạn trước còn thấp trong điều kiện nguồn lực hạn chế, thiếu hệ thống mang tính chiến lược, chưa xác định đúng các đột phá cần tập trung đầu tư; phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa đồng bộ; mô hình tăng trưởng vẫn dựa nhiều vào yếu tố truyền thống, chưa tạo áp lực đổi mới; sự liên kết giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong triển khai hoạt động KHCN chưa chặt chẽ; doanh nghiệp thiếu động lực đổi mới công nghệ do rủi ro cao, hạn chế về vốn và thị trường.

Từ thực tiễn triển khai giai đoạn 2021 - 2025, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng: (i) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của các cấp ủy, chính quyền đối với phát triển KHCN và ĐMST; (ii) Công tác xây dựng cơ chế, chính sách phải bám sát thực tiễn, bảo đảm tính khả thi và linh hoạt; (iii) Lựa chọn nhiệm vụ KHCN và ĐMST cần gắn chặt với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các lĩnh vực có lợi thế; (iv) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tiếp nhận và ứng dụng công nghệ; (v) Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân; (vi) Đẩy mạnh huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho KHCN và ĐMST.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch tổng thể về KHCN và ĐMST 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

## **I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia.

- Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển KHCN và ĐMST đến năm 2030.

- Quyết định số 1969/QĐ-BKHHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động KHCN và ĐMST năm 2026.

- Quyết định số 2227/QĐ-BKHHCN ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về KHCN và ĐMST 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

- Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia.

- Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ KHCN ĐMST ưu tiên thực hiện đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển KHCN và ĐMST trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh; hiệu quả được đo lường bằng các kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất và ĐMST, qua đó dẫn dắt, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”.

Tập trung phát triển tiềm lực KHCN và ĐMST gắn với các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như nông nghiệp hàng hóa, kinh tế cửa khẩu, logistics, du lịch số. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ số, công nghệ chế biến, bảo quản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phát triển hệ sinh thái ĐMST gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị trong khu vực công và tư, qua đó đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số bền vững.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### ***a) Các mục tiêu về đóng góp của KHCN và ĐMST vào phát triển kinh tế - xã hội***

- Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST và chuyển đổi số trong kinh tế địa phương đạt tối thiểu 7% GRDP.

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt tối thiểu 45%.

- Tỷ lệ kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh đạt tối thiểu 5%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh đạt tối thiểu 15%.

### ***b) Các mục tiêu về phát triển tiềm lực KHCN***

- Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) phần đầu đạt tối thiểu 1,5% GRDP. Tổng chi cho phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số so với tổng chi ngân sách nhà nước đạt tối thiểu 1,5%.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt tối thiểu 10 người. Số cán bộ nghiên cứu KHCN toàn tỉnh đạt tối thiểu 300 người.

- Số tổ chức KHCN công lập trực thuộc tỉnh đạt tối thiểu 02 tổ chức. Số doanh nghiệp KHCN trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 10 doanh nghiệp.

### ***c) Các mục tiêu về ĐMST***

- Phần đầu nâng cao Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) của tỉnh, tăng dần vị trí xếp hạng và điểm số năm sau cao hơn năm trước, từng bước cải thiện thứ hạng trong nhóm các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt 05 doanh nghiệp.

- Hình thành tối thiểu 03 không gian, trung tâm hỗ trợ KNST, ĐMST trên địa bàn tỉnh. Số vườn ươm/trung tâm ĐMST đạt tối thiểu 02 vườn ươm/trung tâm.

- Số sản phẩm ĐMST được thương mại hóa mỗi năm đạt tối thiểu 10 sản phẩm. Số doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường đạt tối thiểu 25 doanh nghiệp.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tổ chức quán triệt và triển khai đồng bộ Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; gắn kết quả triển khai nhiệm vụ KHCN và ĐMST với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua, khen thưởng hằng năm.

Đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động KHCN và ĐMST theo hướng lấy kết quả, hiệu quả làm thước đo; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu về KHCN và ĐMST vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và trung hạn của các ngành, địa phương. Tăng cường phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Triển khai các nhóm nhiệm vụ theo lộ trình cụ thể, bảo đảm đồng bộ giữa hoàn thiện thể chế, phát triển tiềm lực KHCN, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy hoạt động ĐMST trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng. Ưu tiên các lĩnh vực có tác động lan tỏa, phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xác định công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KHCN và ĐMST là nhiệm vụ thường xuyên. Tổ chức truyền thông đa phương tiện; nội dung thiết kế phù hợp từng nhóm đối tượng, tập trung phổ biến kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng hiệu quả, điển hình ĐMST; góp phần tạo chuyển biến thực chất trong nhận thức và hành động của cán bộ, doanh nghiệp và Nhân dân.

#### **2. Về hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển KHCN và ĐMST**

##### ***a) Hoàn thiện cơ chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách***

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh về KHCN và ĐMST theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển của địa phương; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Hiệu quả đo lường được bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất và ĐMST; dẫn dắt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số”.

Hoàn thiện cơ chế huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực cho phát triển KHCN và ĐMST theo hướng ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, đồng thời tăng cường thu hút nguồn lực xã hội; điều chỉnh cơ cấu chi theo hướng tập trung, có trọng tâm, ưu tiên các nhiệm vụ có tính lan tỏa, tạo giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối của tỉnh.

Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KHCN công lập theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với hiệu quả hoạt động; đồng thời hoàn thiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động KHCN và ĐMST, thúc đẩy liên kết giữa khu vực công và khu vực tư.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách thông qua tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; kịp thời phát hiện, xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; phát huy vai trò giám sát, phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội doanh nghiệp trong quá trình thực thi chính sách.

***b) Đổi mới cơ chế thực hiện và tái cấu trúc chương trình KHCN và ĐMST***

Đổi mới cơ chế quản lý nhiệm vụ KHCN theo hướng lấy kết quả đầu ra, hiệu quả ứng dụng và tác động thực tiễn làm tiêu chí chủ yếu; gắn với giải quyết các bài toán lớn của tỉnh và định hướng phát triển công nghệ chiến lược. Hoàn thiện quy định về quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tăng cường hậu kiểm và trách nhiệm giải trình.

Tái cấu trúc các chương trình, nhiệm vụ KHCN theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh. Ưu tiên các nhiệm vụ phục vụ trực tiếp phát triển sản phẩm chủ lực, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, đồng tài trợ và tiếp nhận kết quả, gắn hỗ trợ của Nhà nước với hiệu quả ứng dụng và khả năng thương mại hóa.

Xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ KHCN và ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 theo định hướng tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn, đồng thời bảo đảm phát triển toàn diện, gồm các nhóm chủ yếu: (i) nghiên cứu cơ bản; (ii) nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ; (iii) phát triển công nghệ chiến lược; (iv) các chương trình ĐMST; (v) các nhiệm vụ KHCN tại địa phương và doanh nghiệp; (vi) nâng cao tiềm lực KHCN; (vii) các nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh. Tiêu chí xác định (Phụ lục II) và Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ KHCN ĐMST ưu tiên thực hiện đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 là căn cứ để bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước và định hướng đề xuất đặt hàng.

***c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường KHCN***

Nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới, ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, tài sản số, robot, thiết bị bay không người lái, công nghệ y - sinh, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, vật liệu mới.

Triển khai hiệu quả cơ chế tài chính, cơ chế mua sắm công đối với sản phẩm công nghệ trong nước, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho ĐMST phát triển;

ưu tiên mua sắm công, đặt hàng công và thuê dịch vụ công nghệ đối với các sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam chủ trì thiết kế, phát triển công nghệ và tổ chức sản xuất trong nước (Make in Viet Nam), đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và bảo đảm an ninh quốc gia.

***d) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển dữ liệu và thống kê, đánh giá KHCN và ĐMST***

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu trong lĩnh vực KHCN và ĐMST theo hướng đồng bộ, thống nhất. Khai thác, sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ KHCN và ĐMST trên nền tảng số thống nhất do Bộ KHCN xây dựng, kết nối với các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất, bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, tạo điều kiện để tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp cận, khai thác dữ liệu theo quy định; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách.

Hoàn thiện quy định về hệ thống chỉ tiêu, phương pháp thống kê, theo dõi và đánh giá hoạt động KHCN và ĐMST phù hợp với hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất, liên thông, phản ánh được kết quả và tác động của hoạt động KHCN và ĐMST.

Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thu thập, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu; tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá, bảo đảm nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu phục vụ công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

**3. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước**

Thực hiện cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho KHCN và ĐMST theo hướng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST; dành tỷ lệ phù hợp để tiếp nhận, làm chủ và phát triển các công nghệ then chốt, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh; bảo đảm linh hoạt, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

Thực hiện cơ chế huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển KHCN và ĐMST theo nguyên tắc ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư. Trong đó, ngân sách nhà nước tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm ĐMST địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia; nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian ĐMST.

Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp, nghiên cứu thành lập quỹ phát triển KHCN và ĐMST của tỉnh nhằm tăng kinh phí chi cho KHCN và ĐMST theo quy định pháp luật. Tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

Đẩy mạnh lồng ghép, phối hợp các nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, các chương trình mục tiêu và các quỹ liên quan theo hướng đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh chồng chéo, trùng lặp; từng bước nâng tỷ trọng nguồn lực ngoài ngân sách trong các hoạt động có khả năng xã hội hóa, bảo đảm hài hòa lợi ích và chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và các chủ thể tham gia.

#### **4. Phát triển hạ tầng KHCN và ĐMST**

##### ***a) Phát triển hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và tính toán dùng chung***

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả hạ tầng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN theo hướng tập trung, tránh dàn trải; gắn với các lĩnh vực có lợi thế, nhu cầu cấp thiết của tỉnh, bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả và lan tỏa.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho tổ chức KHCN công lập của tỉnh phục vụ hoạt động thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng. Đồng thời, đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức KHCN để khai thác, chia sẻ hiệu quả hạ tầng hiện có, hạn chế trùng lặp trong đầu tư.

Phát triển hạ tầng số phục vụ hoạt động KHCN và ĐMST theo hướng đồng bộ, liên thông; tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung, bảo đảm kết nối với các hệ thống quốc gia; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ hạ tầng số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

##### ***b) Phát triển hạ tầng thông tin, dữ liệu, thống kê và hạ tầng chất lượng quốc gia***

Tập trung phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số phục vụ quản lý, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN và ĐMST phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên môi trường, công thương, du lịch, kinh tế cửa khẩu. Đẩy mạnh chia sẻ các nền tảng, khai thác dữ liệu dùng chung phục vụ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã; bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Từng bước đầu tư phát triển hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện đại, số hóa và kết nối. Kết nối, tham gia mạng lưới hỗ trợ năng suất, chất lượng liên thông trung ương - địa phương; khai thác hiệu quả hạ tầng số, hệ thống dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kết nối và chia sẻ. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật trong giám sát, cảnh báo rủi ro, quản lý hậu kiểm; khai thác, kết nối nền tảng dữ liệu, công cụ, mạng lưới chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, ĐMST.

Xây dựng hệ thống thống kê về KHCN và ĐMST của tỉnh theo hướng đồng bộ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu, bảo đảm kịp thời, chính xác, phục vụ công tác báo cáo, đánh giá và hoạch định chính sách.

### ***c) Phát triển hạ tầng ĐMST***

Phát triển hạ tầng ĐMST của tỉnh theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với quy mô và điều kiện thực tiễn. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ. Hình thành và phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm ĐMST, cơ sở ươm tạo, không gian ĐMST gắn với lợi thế của tỉnh, chuỗi giá trị doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác, dùng chung hạ tầng giữa doanh nghiệp, viện, trường.

Ưu tiên nâng cấp hạ tầng ĐMST gắn với sản phẩm chủ lực, logistics, cửa khẩu số, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và dịch vụ giá trị gia tăng; không đầu tư trùng lặp với hạ tầng quốc gia, hạ tầng vùng.

### ***d) Phát triển không gian liên kết và kết nối hạ tầng KHCN và ĐMST***

Tổ chức không gian phát triển KHCN và ĐMST của tỉnh theo hướng mở, linh hoạt, tăng cường kết nối và không giới hạn bởi địa giới hành chính; thúc đẩy liên kết, chia sẻ và khai thác hiệu quả hạ tầng nghiên cứu, dữ liệu, nền tảng công nghệ, các trung tâm ĐMST và mạng lưới chuyên gia trong nước, quốc tế. Phát huy lợi thế tỉnh biên giới để mở rộng hợp tác nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng công nghệ, ĐMST; hình thành và phát triển các mạng lưới liên kết, chuỗi giá trị liên vùng, xuyên biên giới, góp phần nâng cao năng lực KHCN và ĐMST của tỉnh.

## **5. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực KHCN và ĐMST**

### ***a) Thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao***

Triển khai các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực KHCN và ĐMST, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh. Tạo điều kiện để huy động chuyên gia tham gia tư vấn, chủ trì các nhiệm vụ KHCN; thực hiện cơ chế giao quyền gắn với trách nhiệm giải trình và đãi ngộ theo kết quả, hiệu quả đầu ra.

### ***b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chiến lược***

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KHCN và ĐMST của tỉnh theo hướng thiết thực, gắn với nhu cầu của cơ quan quản lý, doanh nghiệp và hợp tác xã. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu - triển khai và nhân lực trực tiếp ứng dụng công nghệ; chú trọng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số và ĐMST.

### ***c) Tăng cường lưu chuyển tri thức và phát triển kỹ năng ĐMST***

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức KHCN để đào tạo, bồi dưỡng, chuyên giao tri thức và công nghệ; chú trọng bồi dưỡng kỹ năng quản trị công nghệ, chuyển đổi số, quản lý tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ quản lý và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phát triển mô hình trường học thông minh, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận sớm với công nghệ, tham gia nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp. Tăng cường định hướng nghề nghiệp trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật.

## **6. Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược quốc gia**

### ***a) Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, lộ trình đổi mới công nghệ***

Rà soát, xác định danh mục các công nghệ ưu tiên của tỉnh theo hướng tập trung, thiết thực, bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ khả thi, hiệu quả, phù hợp với đặc thù của tỉnh Lạng Sơn, tập trung vào các ngành có lợi thế cạnh tranh là kinh tế cửa khẩu, logistics, nông lâm nghiệp đặc hữu và du lịch. Trên cơ sở đó, định hướng lựa chọn nhiệm vụ KHCN phù hợp, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò trung tâm trong ứng dụng và thương mại hóa; Nhà nước hỗ trợ thông qua cơ chế đặt hàng, chính sách khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để phát triển thị trường công nghệ.

### ***b) Triển khai các nhiệm vụ, dự án theo chuỗi giá trị***

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ KHCN theo chuỗi giá trị từ nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ đến nhân rộng và thương mại hóa sản phẩm; tập trung vào việc tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và cải tiến công nghệ phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, mua sắm thiết bị, tiếp nhận sáng chế, giải pháp kỹ thuật và phần mềm để nâng cao năng lực sản xuất, từng bước làm chủ công nghệ; thúc đẩy liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức KHCN để giải mã, thích ứng và cải tiến công nghệ phù hợp thực tiễn của tỉnh.

### ***c) Phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược và doanh nghiệp dẫn dắt***

Rà soát, cập nhật và hoàn thiện danh mục các bài toán lớn của địa phương, làm cơ sở xác định nhu cầu công nghệ, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp KHCN ưu tiên và xây dựng các chương trình, nhiệm vụ trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030.

Lựa chọn, hỗ trợ phát triển một số sản phẩm, giải pháp KHCN gắn với các sản phẩm chủ lực, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh, có tiềm năng thương mại hóa, tham gia chuỗi giá trị và tạo giá trị gia tăng; thúc đẩy ứng dụng các sản phẩm, giải pháp công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và quản lý.

Phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong tổ chức triển khai, ứng dụng và thương mại hóa kết quả KHCN; tạo điều kiện hình thành và phát triển các doanh nghiệp có năng lực đổi mới công nghệ, khả năng làm chủ, phát triển và thương mại hóa công nghệ, từng bước giữ vai trò dẫn dắt trong hệ sinh thái ĐMST và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

## **7. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST**

### ***a) Phát triển doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống ĐMST***

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh ĐMST, ứng dụng, cải tiến và làm chủ công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ và phát triển công nghệ, thúc đẩy hình thành văn hóa ĐMST trong khu vực doanh nghiệp.

Xây dựng và phát triển hệ sinh thái ĐMST của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu thông qua các mô hình hợp tác “ba nhà” trong nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ. Gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN và ĐMST với nhu cầu thực tiễn và thị trường, lấy hiệu quả ứng dụng, giá trị kinh tế và năng lực cạnh tranh làm cơ sở đánh giá; đồng thời góp phần nâng cao Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức, công nghệ và ĐMST.

Tổ chức đánh giá nhu cầu và trình độ công nghệ của doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ phù hợp theo ngành, lĩnh vực; ưu tiên hỗ trợ tiếp nhận, làm chủ và cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

### ***b) Thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ***

Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đăng ký, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của tỉnh; nâng cao năng lực quản lý, thương mại hóa tài sản trí tuệ. Khuyến khích khai thác hiệu quả kết quả nghiên cứu KHCN, nhất là các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước, gắn với nhu cầu thị trường.

Phát triển các hoạt động tư vấn, môi giới, hỗ trợ chuyển giao công nghệ và tài sản trí tuệ; tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa sáng chế, giải pháp kỹ thuật. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường trong và ngoài tỉnh, từng bước mở rộng tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm.

### ***c) Tạo cầu thị trường cho công nghệ và ĐMST***

Triển khai cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST gắn với các vấn đề thực tiễn của địa phương; ưu tiên hỗ trợ, sử dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ trong nước trong hoạt động của cơ quan nhà nước khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chất lượng.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ để giải quyết các bài toán phát triển sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức liên quan, góp phần nâng cao năng lực ĐMST trong doanh nghiệp.

Hình thành và phát triển hệ thống ĐMST của tỉnh gắn với chuỗi giá trị sản phẩm và ngành hàng chủ lực; phát triển các trung tâm ĐMST đóng vai trò dẫn

dắt, phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần thúc đẩy phát triển doanh nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh.

## **8. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN và ĐMST**

### ***a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ theo hướng thiết thực, hiệu quả***

Tăng cường hợp tác quốc tế về KHCN và ĐMST phù hợp với điều kiện của tỉnh; ưu tiên tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng và từng bước làm chủ công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực có nhu cầu cao. Chủ động thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nước ngoài nhằm tiếp cận tri thức, công nghệ mới và nâng cao năng lực ứng dụng.

Khuyến khích triển khai các dự án hợp tác có yếu tố nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển sản phẩm; lồng ghép hiệu quả hợp tác quốc tế trong các nhiệm vụ KHCN của tỉnh, góp phần nâng cao trình độ KHCN và ĐMST.

### ***b) Thúc đẩy ngoại giao KHCN và ĐMST gắn với doanh nghiệp và thị trường***

Đẩy mạnh kết nối giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý và tổ chức KHCN của tỉnh với các đối tác quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và thị trường khu vực, quốc tế. Khuyến khích thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia tư vấn, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm gắn với ứng dụng KHCN; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, tiêu chuẩn quốc tế và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng xuất khẩu.

Xây dựng mạng lưới kết nối doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đồng thiết kế, đầu tư và triển khai các dự án KHCN và ĐMST; thu hút nguồn vốn, đặc biệt là các dự án công nghệ cao, ưu tiên các đối tác có quan hệ truyền thống, các địa phương của Trung Quốc có chung đường biên giới và các đối tác quốc tế tiềm năng. Tăng cường kết nối với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cộng đồng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHCN và ĐMST. Nội dung hợp tác tập trung vào chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài, phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ động tổng hợp tình hình, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát triển KHCN, ĐMST của tỉnh.

- Tổ chức đánh giá định kỳ, giữa kỳ và tổng thể; trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách và phân bổ nguồn lực phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

## **2. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Tham mưu UBND tỉnh định hướng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hướng dẫn, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã, trang trại và các vùng sản xuất tập trung phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh.

- Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp, từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; ưu tiên các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh và gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị gia tăng. Tham mưu xây dựng và vận hành hệ sinh thái ĐMST ngành nông nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo nhằm đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm.

- Triển khai các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên; tăng cường ứng dụng KHCN trong quan trắc, giám sát, cảnh báo môi trường, quản lý chất thải, tài nguyên nước, đất đai, địa chất và khoáng sản. Thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; khuyến khích áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tái tạo và vật liệu thân thiện môi trường.

- Xây dựng, chuẩn hóa và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống dùng chung của tỉnh và cơ sở dữ liệu quốc gia. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

## **3. Sở Công Thương**

- Tham mưu UBND tỉnh thúc đẩy tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số và tự động hóa trong sản xuất, quản trị và chuỗi cung ứng. Đồng thời, phối hợp với các sở, ngành liên quan thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ xây dựng và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; gắn sản xuất với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Triển khai các nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh, khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử và các giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm

địa phương. Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, thương nhân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, phát triển các mô hình ứng dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh tổ chức, phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, các sự kiện, hội chợ chuyên ngành nhằm giới thiệu, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp địa phương.

#### **4. Sở Nội vụ**

- Trên cơ sở định hướng phát triển của tỉnh, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và thu hút nhân tài; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng người có tài năng trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình phát triển nguồn nhân lực; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực phục vụ phát triển KHCN và ĐMST vào báo cáo chung về công tác đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

#### **5. Sở Tài chính**

- Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm thực hiện dự án đầu tư phát triển KHCN, ĐMST theo quy định; huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển các chương trình dự án (nếu có) thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Chủ trì phối hợp trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định pháp luật. Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho KHCN, ĐMST và chuyển đổi số đạt khoảng 1% - 1,5% tổng chi ngân sách; phấn đấu đến năm 2030 đạt tối thiểu 1,5%.

#### **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực, ý chí quyết tâm của các cấp, các ngành, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

#### **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như: đào tạo kiến thức, kỹ năng về KHCN và ĐMST,

đào tạo STEM, STEAM, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực KHCN và ĐMST. Xây dựng đề án chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030.

### **8. Sở Ngoại vụ**

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN và ĐMST, thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động KHCN và ĐMST.

### **9. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc phạm vi quản lý; cụ thể hóa vào kế hoạch công tác hằng năm và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện. Tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; gắn kết quả thực hiện với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh phối hợp liên ngành, bảo đảm sự thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình triển khai.

- Chủ động đăng ký, bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ KHCN và ĐMST phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Tổ chức triển khai, giải ngân kịp thời, đúng tiến độ; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tránh chậm trễ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- UBND các xã, phường đẩy mạnh triển khai hoạt động KHCN và ĐMST ở cơ sở; tăng cường ứng dụng tiến bộ KHCN trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đồng thời, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và các lĩnh vực có liên quan; quan tâm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

### **10. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

- Chủ động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và năng suất, chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN và ĐMST trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các mô hình quản trị hiện đại và công cụ cải tiến năng suất nhằm nâng cao sức cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Chủ động phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức KHCN trong và ngoài tỉnh để đặt hàng nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ; tích cực tham gia hệ sinh thái ĐMST của tỉnh, đóng góp vào quá trình hình thành các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung,

nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở KH-CN) để xem xét, giải quyết.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh về phát triển KH-CN, ĐMST và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh)./.*

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Báo và PTTH Lạng Sơn;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTPVHCC, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX<sub>(HTHT)</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thanh Sơn**